TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 222/2025/DS-PT
Ngày: 25 tháng 12 năm 2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Chuyền

Các thẩm phán: Ông Phạm Văn Tú

Ông Đỗ Thế Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cường- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Liên- Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 407/2025/TLPT-DS ngày 20 tháng 11 năm 2025 về việc *"tranh chấp hợp đồng tài sản"*; do Bản án dân sự sơ thẩm số 79/2025/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Bắc Ninh) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa án ra xét xử số 100/2025/QĐ-PT ngày 26 tháng 11 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Giáp Thị H, sinh năm 1989. Nơi cư trú: thôn L, xã X, huyện L, tỉnh Bắc Giang (nay là thôn L, xã L, tỉnh Bắc Ninh - có mặt)

- *Bị đơn*:

1. Anh Giáp Văn K, sinh năm 1981

2. Chị Giáp Thị H1, sinh năm 1983

Đều cư trú: thôn B, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang (nay là thôn B, xã T, tỉnh Bắc Ninh - có mặt).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*: Anh An Đức L, sinh năm 1988. Nơi cư trú: thôn L, xã X, huyện L, tỉnh Bắc Giang (nay là thôn L, xã L, tỉnh Bắc Ninh - có mặt).

- *Người kháng cáo:* bị đơn anh Giáp Văn K.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu trong hồ sơ vụ án thì nội dung vụ án được xác định như sau:

Nguyên đơn chị Giáp Thị H ***trình bày*****:** Bố chị tên là Giáp Văn N, sinh năm 1954 (chết 16/01/2025), mẹ chị tên là Giáp Thị B. Bố mẹ chị sinh được 05 người con là Giáp Thị T, sinh năm 1974; Giáp Thị H1, sinh năm 1983 (là bị đơn trong vụ án); Giáp Văn H2, sinh năm 1987; đến chị là Giáp Thị H, sinh năm 1989 và Giáp Thị H3, sinh năm 1992. Ngoài ra, bố mẹ chị không có người con nuôi nào.

Năm 2010, chị lấy chồng là anh An Đức L, sinh năm 1988. Sau khi cưới xong, vợ chồng chị sinh sống tại thôn L, xã X, huyện L, tỉnh Bắc Giang (nay là thôn L, xã L, tỉnh Bắc Ninh) và sinh được 03 con là An Ngọc D, sinh năm 2011, An Đoan T1, sinh năm 2013 và An Minh K1, sinh năm 2019. Hiện các con chị còn nhỏ, không đóng góp được tài sản gì trong gia đình, sống phụ thuộc vào bố, mẹ, không liên quan gì đến việc này.

Năm 2018, khi vợ chồng chị H1, anh K làm nhà, chị có cho vợ chồng chị H1, anh K vay 1 cây 3 vàng loại 9999. Khi bàn giao vàng chị là người trực tiếp cầm vàng xuống nhà bố mẹ đẻ chị ở thôn T, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang (nay là thôn T, xã T, tỉnh Bắc Ninh); chị là người trực tiếp giao vàng cho anh K tại bàn uống nước của gia đình, khi đó có bố mẹ chị cùng ở đó chứng kiến, ngoài ra không còn ai khác ở đó, bố chị cùng anh K kiểm đếm số vàng, anh K đã nhận đủ số vàng đó, không viết giấy tờ giao nhận gì, chị có nói là không lấy lãi khi nào em cần thì anh chị trả ngay, sau đó chị ra về.

Nguồn gốc số vàng này là khi chị lấy chồng, bố chị cho 4 chỉ, số còn lại là tiền thai sản hai lần sinh con khoảng 25.000.000đ, tiền tiết kiệm hàng tháng (khi đó lương của chị khoảng 7.000.000đ/tháng, lương của chồng làm thợ xây tự do) của hai vợ chồng cứ đủ 1 chỉ lại mua vàng.

Năm 2022, gia đình chị xây công trình phụ cần tiền nên đã đòi nhiều lần, lúc đầu chị H1 có nói là sẽ trả trong thời gian không quá 5 năm nhưng hiện chưa có để trả. Ngày 03/4/2022, chị và em H3 sang đòi có gặp chị H1, chị và em H3 đều ghi âm được cuộc nói chuyện bằng điện thoại cá nhân của chị và điện thoại cá nhân của em H3. Ngày 30/4/2022, chị cùng em H3 có xuống nhà gặp anh K đòi, ban đầu thì anh K đồng ý trả và nói "năm nay anh chưa có tiền để trả các dì", anh K vin vào cớ cho rằng bố chị (ông N) có xuống nhà anh K nói chị em chị thuê xã hội đen đánh con nhà anh K, nên anh K cần suy nghĩ xem xét thái độ của chị em chị và kiểm chứng lời nói của bố chị như vậy có đúng không, anh K nói "bây giờ anh có tiền rồi anh cũng không trả, các dì làm được gì thì các dì cứ làm". Chị em chị yêu cầu anh K đưa ra bằng chứng về việc bố chị nói, anh K nói là có camera quay, nhưng bây giờ không còn (sự việc bố chị nói theo anh K cho biết là nói tại nhà anh K trước đó khoảng 2 tuần). Sự việc nói chuyện với anh K ngày 30/4/2022 chị và em H3 đều ghi âm được bằng điện thoại cá nhân của chị và điện thoại cá nhân của em H3. Hiện tại chị và em H3 đều lưu được bản gốc bản ghi âm này trong máy điện thoại của hai người. Ngoài ra chị không còn chứng cứ nào khác.

Sau đó chị cùng em H3 xuống đòi nhiều lần (em H3 đòi tiền và vàng em huyền cho vợ chồng anh K vay), anh K nói không được cầm, không được nhận, không được

tiêu nên anh K không trả chị. Có lần cả chị, em H3 và mẹ chị bà B sang đòi (bà B đòi số vàng bà B cho vợ chồng anh K vay), anh K đều nói không vay, không biết, không trả.

Sau đó chị gửi thư qua đường Bưu điện đến nhà anh K yêu cầu vợ chồng anh K trả, nhưng không thấy hồi âm. Nên khoảng đầu tháng 4/2025, chị có làm đơn tố giác tội phạm đối với anh K, chị H1 gửi công an tỉnh B. Ngày 13/4/2025, Công an tỉnh B đã mời chị xuống làm việc và hướng dẫn chị gửi đơn đến Toà án để được giải quyết.

Nay chị yêu cầu vợ chồng chị H1, anh K phải có trách nhiệm trả vợ chồng chị 1,3 cây vàng, tức là 13 chỉ vàng loại 9999. Nếu không trả được bằng vàng thì đề nghị trả bằng tiền tương đương trị giá 13 chỉ vàng theo giá thị trường hiện hành tại thời điểm trả.

**** Bị đơn anh*** Giáp Văn K ***trình bày*****:** Tại lời khai ngày 01/8/2025 chị H1, anh K đều xác định, việc chị H khởi kiện đòi vợ chồng anh, chị 1 chỉ vàng là không đúng. Năm 2018, vợ chồng anh, chị có xây nhà, nhưng vợ chồng anh, chị không vay vàng của chị H. Việc chị H khai ghi âm được việc cho vay là không đúng sự thật.

Tại Biên bản đối chất và Biên bản hoà giải cùng ngày 18/8/2025, anh K, chị H1 (chị H1 do anh K đại diện theo uỷ quyền) trình bày: Anh, chị không đồng ý với ý kiến của chị H, vì thực chất anh, chị không vay nên anh, chị không trả. Nếu chị H có ghi âm, ghi hình, hay cắt ghép đều là giả dối.

Tại Biên bản đối chất ngày 15/9/2025 và Biên bản đối chất ngày 21/9/2025 anh K, chị H1 trình bày: thực chất vợ chồng anh, chị chỉ nợ chị H 07 chỉ vàng, còn trong File ghi âm chị H nói vợ chồng anh, chị nợ một cây ba (13 chỉ vàng) là không đúng. Sau khi ghi âm (ngày 30/4/2022) vợ chồng anh, chị đã trực tiếp mang 07 (bảy) chỉ vàng loại 9999 lên nhà ông N để trả cho chị H. Anh, chị không nhớ ngày, tháng, năm trả cụ thể, nhưng khi đó ông N vẫn còn sống. Khi trả không rõ trả vào buổi sáng hay buổi chiều, nhưng trả vào ban ngày tại bàn uống nước nhà ông N, khi đó có ông N, bà B, chị H, chị H3 và hai vợ chồng anh, chị; ngoài ra không còn ai khác. Khi trả không viết giấy biên nhận giao nhận vàng. Số vàng anh, chị trả gồm 01 dây chuyền loại 03 chỉ vàng và 04 nhẫn tròn loại 01 chỉ vàng/01 nhẫn.

**** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh*** An Đức L ***trình bày*****:** Anh là chồng chị Giáp Thị H, anh không được chứng kiến việc chị H giao vàng cho anh K vay như chị H nói. Anh chỉ biết vợ chồng anh có 13 chỉ vàng trong đó có 1 dây chuyền 4 chỉ, còn lại là nhẫn tròn, việc chị H cho vợ chồng anh K vay vàng có bàn bạc với anh, anh được biết việc này và cũng đồng ý.

**** Qua làm việc với bà*** Giáp Thị B***, bà*** B ***cho biết*****:** Bà có chồng là Giáp Văn N, sinh năm 1954 (chết 16/01/2025), vợ chồng bà sinh được 05 người con là Giáp Thị T, sinh năm 1974, Giáp Thị H1, sinh năm 1983, Giáp Văn H2, sinh năm 1987, Giáp Thị H, sinh năm 1989 và Giáp Thị H3, sinh năm 1992.

Bà chỉ nhớ khoảng năm 2018, nhà ở của vợ chồng chị H1, anh K mối ăn sắp sụp nên có hỏi vay tiền mọi người trong gia đình để xây nhà. Vợ chồng bà, chị H, chị H3 có cho vợ chồng chị H1, anh K vay một số tiền và vàng.

Cụ thể bà không nhớ rõ ngày tháng khoảng năm 2018, vợ chồng bà có cho vợ chồng chị H1, anh K vay hơn bốn mươi triệu tiền mặt và 1 cây 6 vàng, hay còn gọi là mười sáu chỉ vàng, loại vàng một miếng SJC (gồm 2 miếng, một miếng loại 1 cây, một miếng loại 6 chỉ). Khi vay trực tiếp vợ chồng bà giao tiền vàng cho anh K tại bàn uống nước gia đình bà, không viết giấy biên nhận, không có ai chứng kiến. Tháng 7/2021, ông N bị tai biến ốm mấy năm liền, vợ chồng chị H1, anh K đã trả bà hơn bốn mươi triệu tiền mặt và 05 chỉ vàng để chữa bệnh cho ông N, số vàng còn lại 1 cây mốt bà có đòi nhiều lần nhưng vợ chồng chị H1, anh K không trả. Bà chưa khởi kiện đòi vàng đối với vợ chồng chị H1, anh K. Sau này bà sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

Sau khi vay tiền vàng của vợ chồng bà khoảng một thời gian sau, chị H lại cho vợ chồng chị H1, anh K vay vàng. Bà không nhớ rõ ngày, tháng, nhưng hôm đó vào buổi sáng tại bàn uống nước của gia đình bà, có vợ chồng bà đang ngồi ở bàn uống nước cùng anh K, chị H là người trực tiếp đem vàng đến giao cho anh K. Chị H nói có 4 chỉ là của bố mẹ cho là một dây truyền, còn lại là 09 nhẫn, tổng là 1 cây ba hay còn gọi là 13 chỉ loại vàng 9999. Sau khi giao vàng xong, chị H về, anh K ở lại. Sau đó khoảng 1 tiếng chị H3 cũng lên cho anh K vay 3 chỉ vàng là chiếc dây truyền. Sau khi nhận vàng của chị H3 thì anh K đèo ông N bằng xe máy ra thị trấn V để bán vàng, vì dây truyền vàng bà mua cho chị H là của tiệm V, nhẫn của chị H cũng mua ở đó, nên mang ra đó bán sẽ thuận lợi hơn. Ngày đó vàng trị giá 3.400.000 đồng/1 chỉ. Sau khi bán xong, anh K lại đưa ông N về nhà, ông N đã kể cho bà là bán tại nhà H. Nay bà thấy việc chị H khởi kiện đòi vàng đối với vợ chồng chị H1, anh K là có căn cứ. Bà cam đoan lời trình bày trên của bà là đúng sự thật, nếu sai bà xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

**** Qua làm việc với chị*** Giáp Thị H3***, chị*** H3 ***cho biết:*** Việc chị H1, anh K khai có trả chị H 07 chỉ vàng tại nhà ông N có sự chứng kiến của chị là không đúng sự thật, chị không được chứng kiến việc này.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 79/2025/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Bắc Ninh đã tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Giáp Thị H. Buộc vợ chồng chị Giáp Thị H1, anh Giáp Văn K phải có trách nhiệm thanh toán trả vợ chồng chị Giáp Thị H, anh An Đức L 13 chỉ vàng loại 9999.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 07/10/2025, bị đơn anh Giáp Văn K kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm; đề nghị cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho anh.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

- Nguyên đơn chị Giáp Thị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không cung cấp tài liệu chứng cứ gì mới. Không đồng ý với kháng cáo của anh K. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Bị đơn anh Giáp Văn K giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Anh K không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì mới.

- Bị đơn chị Giáp Thị H1 nhất trí với kháng cáo của anh K. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh An Đức L nhất trí với ý kiến và yêu cầu của chị H. Không nhất trí với kháng cáo của anh K. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Giáp Văn K; giữ nguyên bản án sơ thẩm số 79/2025/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Bắc Ninh.

Anh Giáp Văn K phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận và sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về nội dung vụ án:

[1.1] Chị Giáp Thị H khởi kiện yêu cầu vợ chồng chị H1, anh K trả 13 chỉ vàng loại 9999.

[1.2] Theo chị H thì năm 2018, khi vợ chồng chị H1, anh K làm nhà, chị có cho vợ chồng chị H1, anh K vay 1 cây 3 vàng loại 9999. Khi bàn giao vàng chị là người trực tiếp cầm vàng xuống nhà bố mẹ đẻ chị ở thôn T, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang (nay là thôn T, xã T, tỉnh Bắc Ninh). Chị là người trực tiếp giao vàng cho anh K tại bàn uống nước của gia đình, khi đó có bố mẹ chị cùng ở đó chứng kiến, ngoài ra không còn ai khác ở đó. Anh K đã nhận đủ số vàng đó nhưng không viết giấy tờ giao nhận. Việc vay mượn không thỏa thuận về lãi suất. Thời hạn vay khi nào chị H cần thì anh K trả. Chị đã đòi nhiều lần nhưng anh K và chị H1 không trả.

Việc vay mượn được thể hiện qua cuộc nói chuyện với anh K ngày 30/4/2022, chị H và chị H3 đều ghi âm được bằng điện thoại cá nhân của chị và điện thoại cá nhân của chị H3. Hiện tại chị và chị H3 đều lưu được bản gốc bản ghi âm này trong máy điện thoại của hai người. Ngoài ra chị không còn chứng cứ nào khác.

[1.3] Phía anh K, chị H1 xác định vợ chồng anh, chị chỉ nợ chị H 07 chỉ vàng, còn trong File ghi âm chị H nói vợ chồng anh, chị nợ một cây ba (13 chỉ vàng) là không

đúng. Sau khi ghi âm (ngày 30/4/2022) vợ chồng anh, chị đã trực tiếp mang 07 (bảy) chỉ vàng loại 9999 lên nhà ông N để trả cho chị H. Anh, chị không nhớ ngày, tháng, năm trả cụ thể, nhưng khi đó ông N vẫn còn sống. Khi trả không rõ trả vào buổi sáng hay buổi chiều, nhưng trả vào ban ngày tại bàn uống nước nhà ông N, khi đó có ông N, bà B, chị H, chị H3 và hai vợ chồng anh, chị, ngoài ra không còn ai khác. Khi trả không viết giấy biên nhận giao nhận vàng. Anh, chị không đồng ý trả vợ chồng chị H 13 chỉ vàng loại 9999 theo yêu cầu của chị H.

[1.4] Đối với các File ghi âm trong máy điện thoại ghi âm ngày 03/4/2022 và ngày 30/4/2022 do chị H, chị H3 xuất trình. Phía anh K, chị H1 đều thừa nhận hai File ghi âm này có giọng nói của anh K, chị H1, chị H và chị H3 là đúng. Trong File ghi âm này có đoạn chị H đã yêu cầu vợ chồng anh K trả một cây ba vàng (13 chỉ vàng), phía anh K, chị H1 không chối cãi là không vay, mà chỉ xác định khi nào có thì trả. Bên cạnh đó, anh K, chị H1 ban đầu cho rằng không vay nên không trả, sau khi được nghe File ghi âm và đối chất thì anh K, chị H1 xác định chỉ vay chị H 07 chỉ vàng loại 9999 và sau ngày 30/4/2022 anh K, chị H1 đã trả chị H 07 chỉ vàng loại 9999. Tuy nhiên anh K, chị H1 không đưa ra được tài liệu chứng cứ chứng minh về việc đã trả chị H 07 chỉ vàng.

[1.5] Căn cứ lời khai của các đương sự, các tài liệu thể hiện trong hồ sơ, thấy có căn cứ xác định vợ chồng anh K, chị H1 có vay của vợ chồng chị H 13 chỉ vàng loại 9999 vào năm 2018. Chị H yêu cầu vợ chồng chị H1, anh K trả vợ chồng chị H 1 cây 3 vàng (tức là 13 chỉ vàng loại 9999) là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 khoản 2 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Xét kháng cáo của anh Giáp Văn K:

Từ nhận định trên đây, Hội đồng xét xử thấy bản án sơ thẩm tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H là có căn cứ. Anh K kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H là không có căn cứ để chấp nhận. Cần giữ nguyên bản bản sơ thẩm 79/2025/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Bắc Ninh theo quy định tại khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[3] Án phí dân sự phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận nên anh Giáp Văn K phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của anh Giáp Văn K; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 79/2025/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Bắc Ninh.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: anh Giáp Văn K phải chịu 300.000 đồng; được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001393 ngày 09/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG		THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Phạm Văn Tú	**Đỗ Thế Bình**	**Phạm Thị Chuyền**